TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST** Ngày 09/9/2021 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 95/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; ĐKHKTT: xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 11, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1983; ĐKHKTT và trú tại: xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Trần Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Y kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Đ, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Y ở xóm 9, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 1 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị T và anh Y đã sống ly thân từ năm 2018.

Theo chị T nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do anh Y chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, chị đã nhiều lần khuyên giải anh Y nhưng anh Y không thay đổi mà còn kiếm cớ đánh đập chị. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng

nhưng không mâu thuẫn không được khắc phục mà còn nặng nề hơn. Vì không thể chịu đựng được nên chị và anh Y đã sống ly thân từ năm 2018, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm của chị và anh Y không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Y để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có 3 con chung là Nguyễn Trần Quang P, sinh ngày 07/6/2008; Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012; Nguyễn Phúc L, sinh ngày 14/01/2019 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 3 con chung và yêu cầu anh Y đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 3 tháng triệu đồng (mỗi cháu 1 triệu đồng/ 1 tháng) kể từ khi Tòa án có quyết định ly hôn đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng chị không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Y trong các biên bản sự việc, biên bản làm việc ngày 31/5/2021; 17/6/2021 và 07/7/2021 thể hiện:

Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Y tại xóm 9, xã K. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống từ năm 2019, ly thân với anh. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T, anh xin được vắng mặt

Về con chung: Anh Y cũng xác định vợ chồng có 3 con chung như chị T đã nêu. Do anh không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án nên anh không có quan điểm về việc này

Về tài sản chung: Anh Y xác định vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh nên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Quang P, sinh ngày 07/6/2008; Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Y; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 14/01/2019; giao anh Nguyễn Văn Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Quang P, sinh ngày 07/6/2008; Anh Y phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T nuôi cháu Nguyễn Phúc L mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9/2021 đến khi cháu L

thành niên ; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Y phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Y, cư trú tại xóm 9, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn Y đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định do anh Y chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Y không thay đổi mà còn kiếm cớ đánh đập chị. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 không còn quan tâm đến nhau nữa.

Anh Y cũng trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Mặc dù 2 bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ năm 2019, ly thân với anh.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh Y tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị T, anh Y không cong chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Y và chị T chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị T và anh Y đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng thời gian 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh Y không có quan điểm cụ thể về quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng anh có thái độ bỏ mặc, không tham gia vào buổi hòa giải tại Tòa án. Cả chị T và anh Y đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh Y hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh Y là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị T và anh Y đều xác nhận vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Trần Quang P, sinh ngày 07/6/2008; Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012; Nguyễn Phúc L, sinh ngày 14/01/2019 hiện đang ở với chị T. Về phía chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 3 con và yêu cầu anh Y đóng góp tiền

cấp dưỡng nuôi con 3 triệu đồng/1 tháng cụ thể: mỗi con chung 1 triệu đồng/1 tháng kể từ khi có Quyết định ly hôn đến khi các con chung thành niên. Anh Y không có quan điểm cụ thể về nội dung này.

Thực tế từ khi sống ly thân, cả ba con chung đều ở với chị T, do chị T nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Quang P, sinh ngày 07/6/2008; Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn.

Tuy nhiên để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập cho các con chung thì việc giao cả 3 con chung cho chị T nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T và nguyện vọng của các con là không phù hợp. Anh Y cũng phải có trách nhiệm đối với việc nuôi con chung đồng thời cũng để đảm bảo cho các con chung về việc học tập và ổn định cuộc sống. Do đó, xét thấy cần giao cháu K, cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho chị T nuôi dưỡng cháu L đến khi thành niên mới là phù hợp

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Y phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Y.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/6/2012; Nguyễn Phúc L, sinh ngày 14/01/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn Y trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trần Quang P sinh ngày 07/6/2008. Anh Y phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị T mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9/2021 đến khi cháu L thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2599 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Y phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh